

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **150/2023/DS-ST**

Ngày: 23/6/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Tuấn Tú.

2. Ông Nguyễn Văn Cường.

*** Thư ký phiên tòa:** Bà Cà Thị Lan, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:** Nguyễn Hoàng Phúc, Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2023/QĐXXST-DS ngày 10/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 188/2023/QĐST-DS ngày 30/5/2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Lê Thị Kim L**, sinh năm xxxx; ngụ tại ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Có mặt)

* Bị đơn: **Nguyễn Thị M**, sinh năm xxxx; ngụ tại Khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, chị Lê Thị Kim L là nguyên đơn trình bày: Do chỗ quen biết nên chị L có cho chị M vay tiền để làm vốn kinh doanh tổng cộng là 120.000.000 đồng, cụ thể các lần vay tiền như sau:

- Ngày 29/7/2022 chị M vay số tiền 40.000.000 đồng;

- Ngày 04/8/2022 chị M vay tiếp số tiền 30.000.000 đồng;

- Ngày 07/8/2023 chị M vay tiếp số tiền 50.000.000 đồng.

Việc vay tiền có lập thành biên bản, có chữ ký và ghi họ tên của chị M. Mỗi khoản vay đến hạn trả nợ thì chị M năn nỉ chị L đợi ghe đánh bắt ngoài khơi vô sẽ trả tiền cho chị L và vay thêm những khoản sau đó, thấy chị M khó khăn, cố gắng làm thêm để kiếm tiền nuôi con nên chị L tiếp tục cho chị M thêm các khoản tiền sau đó mặc dù chị M chưa trả được khoản tiền nào cho chị L. Tuy nhiên khi đến hạn trả nợ, chị L có liên hệ chị M để lấy tiền lại nhưng chị M cứ hứa hẹn mà không thấy trả tiền cho chị L. Sau nhiều lần tìm gặp chị M để lấy tiền mà không gặp được chị M nên chị L quyết định khởi kiện để yêu cầu Tòa án buộc chị M trả lại cho chị L số tiền vốn vay là 120.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

* Chị Nguyễn Thị M là bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, tại phiên tòa và cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của chị M đối với yêu cầu khởi kiện của chị L nên không có ý kiến trình bày.

* *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim L, buộc chị Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho chị L số tiền vốn vay là 120.000.000 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Lê Thị Kim L khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị M ngụ tại Khu phố C, thị trấn V, huyện G có trách nhiệm trả cho chị L số tiền vay là 120.000.000 đồng nên đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xử vắng mặt chị Nguyễn Thị M.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim L và chị Nguyễn Thị M tự nguyện thỏa thuận vay tiền, có lập giấy vay tiền. Quá trình thực hiện, chị M chưa trả cho chị L khoản tiền nào mặc dù chị L đã nhiều lần liên hệ

yêu cầu chị M trả tiền nhưng chị M chỉ hứa hẹn mà không trả tiền. Nay chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị M trả số tiền vốn vay 120.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy chị M vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị M và chị M cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của chị M đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Tuy nhiên việc vay mượn là do hai bên tự nguyện xác lập và được lập thành văn bản, khi đến hạn trả nợ mà chị M chỉ hứa hẹn mà không trả tiền mặc dù chị L đã nhiều lần đến nhà chị M để đòi tiền. Nay chị L khởi kiện yêu cầu chị M trả số tiền 120.000.000 đồng và Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng thông báo nội dung yêu cầu khởi kiện của chị L cho chị M biết có người thân thích của chị M ký nhận văn bản nên chị M thừa biết được yêu cầu khởi kiện của chị L nhưng chị M cũng không phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị L, do đó việc vay mượn giữa chị L với chị M trên cơ sở giấy vay tiền do chị L cung cấp cho Tòa án mà chị L không cần phải chứng minh là phù hợp với quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Cho nên yêu cầu khởi kiện của chị L buộc chị M trả số tiền 120.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017).

[3.2] Về lãi suất: Do chị Lê Thị Kim L không có yêu cầu trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Kim L được chấp nhận nên chị Lê Thị Kim L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại chị Lê Thị Kim L số tiền 3.000.000 đồng tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu số 0028498 ngày 03/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông. Chị Nguyễn Thị M phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 6.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Về quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kim L.

Buộc chị Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Kim L số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng), trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án không chịu trả tiền thì hàng tháng phải trả tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: H lại chị Lê Thị Kim L số tiền 3.000.000 đồng tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu số 0028498 ngày 03/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Chị Nguyễn Thị M phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 6.000.000 đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Chị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án và chị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gò Công Đông;
- CC.THADS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Nguyễn Thị Diễm Trinh